

# Phát triển năng lực trong giáo dục và đào tạo ngày nay

Nguyễn Thế Hưng\*

\* PGS. TS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 18/6/2024; Accepted: 30/6/2024; Published: 12/7/2024

**Abstract:** According to the competency approach, the goals of the general education program are determined by the competency system (including core general competencies and specific competencies). Therefore, teachers need to have a basic understanding of competencies and capacity development. In addition to introducing the general concept of capacity, the article carefully analyzes the structure of capacity, some basic types of capacity (Collaboration capacity, thinking capacity, self-study capacity) and how to foster these skills. This type of competency is for learners at different educational levels.

**Keywords:** Education – Training; Capacity; Capacity Development

## 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trên thế giới và ở Việt Nam, việc quan tâm đến những tiếp cận dựa trên năng lực (NL) là đang rất được quan tâm. Đặc biệt, những chuyên gia làm công tác giáo dục - đào tạo (GD&ĐT) đang chú ý xây dựng và sử dụng mô hình NL để xác định một cách tường minh những NL thành phần để nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thực hiện nhiệm vụ.

Theo tiếp cận này, giáo viên được xác định là người không chỉ dạy kiến thức, mà còn là nhà giáo dục. Điều đó có nghĩa là, thông qua dạy học, người dạy có trách nhiệm hình thành và phát triển nhân cách người học. Vì vậy, ngoài kiến thức chuyên ngành, người dạy cần phải có nhiều NL cần thiết khác. Bên cạnh việc phân tích tầm quan trọng của phát triển NL trong GD&ĐT ngày nay, bài báo còn chỉ rõ sự khác biệt về phát triển NL ở các bậc học ở nước ta.

## 2. Nội dung và kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm về NL

Có thể nói, “NL” là một phạm vi trung tâm của Tâm lý học. NL là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả.

Xét về Tâm lý học, NL có những đặc điểm chủ yếu sau:

Trước hết, NL không phải chỉ là một thuộc tính, một đặc điểm nào đó của cá nhân mà nó bao gồm những thuộc tính tâm lý và sinh lý... (tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân). Về điểm này, cần được hiểu đúng là, NL hoàn toàn không phải là sự tổ hợp của tất cả những thuộc tính tâm lý, sinh lý của cá nhân, mà NL chỉ bao gồm những thuộc tính khiến cho hoạt động nào đó đạt được kết quả. Ngoài ra, sự tổ hợp các thuộc tính tâm lý, sinh lý đó cũng không phải là sự cộng gộp số học, mà giữa các thuộc tính luôn sự tương tác lẫn nhau làm thành một hệ thống, một cấu trúc nhất định..

NL chỉ có tính hiện thực khi cá nhân hoạt động và

phát triển trong chính hoạt động ấy. Điều đó có nghĩa là, con người chưa hoạt động thì NL vẫn còn tiềm ẩn.

NL con người không phải là sinh ra đã có, mà được được hình thành và phát triển trong quá trình học tập, hoạt động và giao tiếp.

### 2.2. Cấu trúc của NL

Cấu trúc của NL gồm 3 thành tố: (i) Hệ thống tri thức, kỹ năng kỹ xảo để tạo ra NL hoạt động; (ii) Động cơ hứng thú, xu hướng hoạt động; (iii) Hành động: là điều kiện để hình thành NL.

Dựa vào tiêu chí khác nhau, người ta có thể phân chia thành các loại NL khác nhau. Tuy nhiên, phân chia NL thành các loại khác nhau cũng chỉ mang tính tương đối. Trên thực tế, ranh giới các loại NL khá mờ nhạt, và lại các NL thuộc các loại khác nhau luôn có tác động qua lại, tương hỗ với nhau.

◆ Căn cứ vào mức độ chuyên biệt, chia NL thành NL chung và NL chuyên biệt:

+ NL chung: là NL cần thiết cho nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, chẳng hạn những thuộc tính về thể lực, về tư duy, về quan sát, về ngôn ngữ...). Đó là điều kiện cần thiết để giúp cho nhiều lĩnh vực hoạt động có hiệu quả.

+ NL chuyên biệt (NL riêng, chuyên môn): Loại NL này thể hiện độc đáo các phẩm chất riêng biệt, mang tính chuyên môn, nhằm đáp ứng việc đạt được kết quả cao trong một lĩnh vực hoạt động chuyên biệt (văn học, hội họa, âm nhạc, thể thao,...).

NL chung và NL riêng luôn bổ sung hỗ trợ cho nhau.

◆ Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh, phân chia NL thành NL tự nhiên và NL xã hội:

+ NL tự nhiên: là loại NL có bản chất sinh vật và có quan hệ trực tiếp với tư chất. NL này có bị tác động, biến đổi của môi trường giáo dục. NL này có khả năng di truyền được.

+ NL xã hội: Loại NL này được hình thành và phát

triển trong quá trình tồn tại và hoạt động của mỗi cá nhân trong xã hội (như NL ngôn ngữ, NL lao động sáng tạo, NL giao tiếp...)

◆ Căn cứ vào các mức độ phát triển của NL, chia NL thành hai loại:

+ *NL học tập, nghiên cứu*: là NL liên quan đến việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo,... (phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, so sánh)...

+ *NL sáng tạo*: là NL liên quan đến việc tạo ra một sản phẩm, tri thức, quy trình hoặc phương thức hoạt động mới cho xã hội. Đây có thể được coi là NL đỉnh cao của loài người.

### 2.3. Một số loại NL cơ bản

2.3.1. *NL hợp tác (NLHT)*: là NL cùng với người khác thực hiện công việc nhằm đạt mục đích chung, như xác định được mục đích và các hoạt động mà bản thân có thể đảm nhiệm, cũng như biết được các nhu cầu, nguyện vọng và đặc điểm của người khác để tổ chức, hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm, huy động được mọi người tham gia hoàn thành công việc.

◆ Xác định được mục đích hợp tác và sự cần thiết của việc hợp tác.

◆ Lựa chọn được các phương thức hợp tác: Tìm kiếm được các phương thức hợp tác và lựa chọn các phương thức hợp tác phù hợp

◆ Xác định được trách nhiệm và các hoạt động mà bản thân có thể đảm nhiệm trong công việc hợp tác và khả năng và mức độ đóng góp của bản thân cho công việc.

◆ Xác định được nhu cầu và khả năng của những người cùng hợp tác, có khả năng phân công nhiệm vụ cho các thành viên một cách hợp lý với khả năng, điều kiện và nguyện vọng của họ.

◆ Tổ chức thực hiện công việc: Thực hiện nhiệm vụ của bản thân; Động viên, khích lệ các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

◆ Rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động  
Trong việc *Xác định được mục đích hợp tác và lựa chọn được các phương thức hợp tác*, nếu như ở bậc Tiểu học, người dạy giúp người học có hứng thú trong hợp tác, hợp tác theo sự phân công của người dạy, thì ở bậc THCS và THPT, người dạy có thể chủ động đề xuất mục đích hợp tác. Tuy nhiên, ở bậc THCS, người học chỉ dừng lại ở việc xác định được loại công việc có thể hợp tác, thì ở bậc THPT, người học có thể lựa chọn hình thức và quy mô làm việc nhóm phù hợp và hiệu quả.

Đối với việc xác định được trách nhiệm và các hoạt động mà bản thân, học HSTH chỉ cần theo hướng dẫn của giáo viên, thì HS THPT cần hiểu rõ trách nhiệm, vai trò của bản thân trong nhóm. Trong khi đó, HS bậc THPT, biết tự nhận trách nhiệm và vai trò của bản thân

trong nhiệm vụ chung.

Tương tự, đối với việc xác định được nhu cầu và khả năng của những người cùng hợp tác, học HSTH có thể góp ý phân công công việc cho từng thành viên, thì HS Trung học có thể đánh giá được khả năng của từng thành viên với các mức độ khác nhau.

Khi Tổ chức thực hiện công việc, học HSTH thường chỉ cố gắng hoàn thành phần công việc được phân công, thì bên cạnh việc hoàn thành công việc được giao, HS THCS có vai trò thúc đẩy các hoạt động chung của cả nhóm. HS THPT không chỉ cấp nhật tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên, điều hoà hoạt động phối hợp, mà còn hỗ trợ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ.

Quá trình Rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động, học HSTH cùng các thành viên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của cả nhóm, trong khi HS THCS và THPT biết căn cứ vào mục đích đặt ra để tổng kết hoạt động chung của nhóm và rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý cho từng thành viên của nhóm.

### 2.3.2. *NL tư duy*

a) Khái niệm về Tư duy (TD) là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, nhưng mối liên hệ và quan hệ có tính quy luật giữa các sự vật hiện tượng mà con người ta chưa biết.

Thực chất của hoạt động tư duy là hoạt động sáng tạo: *Tư duy phản ánh những thuộc tính bản chất; Tư duy phản ánh những mối liên hệ, quan hệ có tính quy luật; Tư duy phản ánh cái mà ta chưa biết*:

b) *Khái niệm về NL tư duy (NLTD)*: là NL khám phá và phát hiện bản chất của các sự vật, hiện tượng. Trong đó, các sự vật, hiện tượng được nghiên cứu một cách sáng suốt. Ngoài ra, NLTD còn thể hiện việc đánh giá sự đúng đắn về một vấn đề trong một tình huống cho trước, và khả năng hình thành, triển khai các ý tưởng có tính sáng tạo.

Xét về cấu trúc, NL tư duy gồm có các NL thành phần:

◆ Khám phá, xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng: *NL đặt câu hỏi: Tổ chức việc thu thập và xử lý thông tin*

◆ Hình thành ý tưởng và hành động

◆ Suy ngẫm: *Suy nghĩ về quá trình tư duy của người khác và của bản thân; Xem xét lại tiến trình thực hiện công việc và thực hiện thao tác tư duy*

◆ Phân tích, tổng hợp và đánh giá: *Sử dụng các thao tác tư duy logic (Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và trừu tượng hóa)*; Rút ra kết luận và xây dựng kế hoạch hành động; Đánh giá tiến trình thực hiện công việc và đánh giá kết quả thực hiện công việc

c) *Sự cần thiết phải phát triển tư duy*: Tư duy là điều kiện cho người học lĩnh hội tri thức nhân loại, tạo

cho con người cơ hội học tập, việc làm và được thừa nhận. Người có NL tư duy tốt sẽ giúp luôn điều chỉnh để có trạng thái tâm lý tốt và có thái độ tích cực đối với cuộc sống. Vì vậy, tư duy không chỉ giúp cho người học có điều kiện tốt hơn để thành công, mà còn giúp cho người học trở thành công dân tốt.

*d) Các yếu tố cần thiết cho việc tư duy hiệu quả:*

Tư duy tốt trước hết phải là tư duy đúng và biết vận dụng các thành tố tư duy vào chiến lược giải quyết vấn đề.

Các yếu tố tư duy đầu tiên được thể hiện bằng các ý tưởng từ môi trường mang lại. Nếu ý tưởng lệch lạc, quá trình tư duy không có ý nghĩa. Điều đó có nghĩa là, vấn đề tư duy không được giải quyết. Tư duy không thể tồn tại nếu thiếu tri thức. Cần phải có tri thức để tư duy về chính nó.

*e) Rèn luyện kỹ năng tư duy:* Hoạt động tư duy của con người được thể hiện trên 2 phương diện: Tư duy phê phán và Tư duy sáng tạo, cả hai phương diện đều là nền tảng dẫn đến suy luận và khái quát hoá các ý tưởng. Mặc dù có sự khác nhau (Nếu như Tư duy phê phán thiên về phân tích, sử dụng các biện pháp diễn dịch nhằm kiểm tra giả thuyết, thì Tư duy sáng tạo lại thiên về khám phá, sử dụng các biện pháp quy nạp để nhằm nêu giả thuyết), nhưng hai phương diện tư duy này có mối quan hệ tương hỗ với nhau. Do sự khác biệt của hai phương diện tư duy này, mà các biện pháp sử dụng trong dạy học để rèn luyện và phát triển kỹ năng tư duy phê phán và tư duy sáng tạo có những điểm đặc trưng.

◆ *Rèn luyện KNTD phê phán*

Rèn luyện KNTD phê phán là giúp cho người học nhận ra được, hiểu được và phê phán (một cách tích cực) những quan niệm sai và giúp người học kiểm nghiệm và phát hiện những quan niệm của bản thân.

Trong dạy học, KNTD phê phán của HS thường biểu hiện ở một vài dấu hiệu sau đây:

- Người học có khả năng phát hiện ra vấn đề cần tranh luận, cần xem xét hoặc cần hỏi để sáng tỏ.

- Người học có khả năng lập luận logic và biết trình bày, diễn đạt một cách tường minh những lập luận của mình. Nếu xét trong thang trình độ nhận thức của Bloom, thì "tư duy phê phán" đồng nghĩa với đánh giá, là cấp độ cao nhất.

◆ *Rèn luyện KNTD sáng tạo:* Xét cho cùng, mọi HS đều có khả năng sáng tạo. Vì vậy, người dạy cần biết cách kích thích nỗ lực sáng tạo cho người học. Muốn rèn luyện và phát triển tư duy sáng tạo, người dạy cần phải: Coi người học như là một đối tác bình đẳng và đáng tin; Tạo môi trường giao tiếp cởi mở, thân thiện.

2.3.3. *NL tư học (NLTH):* là NL sử dụng được các

phương pháp, thủ thuật học tập để đạt được mục đích học tập. Đó là khả năng tự mình tìm tòi, nhận thức và vận dụng tri thức vào tình huống với chất lượng cao. Trong dạy học, NLTH cần phải được đào tạo, rèn luyện và phát triển, thì mới trở nên một sức mạnh thật sự của người học.

Quá trình đào tạo trên lớp ở trường phổ thông là nền tảng cho những quá trình đào tạo ở các bậc đào tạo cao hơn. Càng học lên cao, thì NLTH của mỗi người học sẽ đóng vai trò quyết định đến sự thành công trong học tập. Vì vậy, hình thành và phát triển NLTH cho người học ở bậc phổ thông có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở cho việc tự học suốt đời.

Xét về cấu trúc, NLTH của người học được xác định gồm những thành phần:

◆ Xác định được mục tiêu học tập: Xác định được mục đích, mục tiêu học tập; Xác định được nhiệm vụ học tập

◆ Lập được kế hoạch và thực hiện các cách học

◆ Tự đánh giá và điều chỉnh việc học

*Tư đánh giá KQHT:* Tìm kiếm thông tin phản hồi từ người khác về kết quả học tập (KQHT), PP học tập; Điều chỉnh PP học để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc học

### 3. Kết luận

Trong GD&ĐT, NL được hiểu một cách khái quát là một tổ hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ và chiến lược tư duy mà tổ hợp này là sự thành công cho những sản phẩm đầu ra đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

NL của con người được hình thành và phát triển tốt nhất, nếu được thực hiện dưới điều kiện của dạy học và giáo dục/ Dạy học trải nghiệm là con đường hình thành NL tốt nhất.

Tiếp cận NL cho phép cá thể hóa việc dạy học và chú trọng vào kết quả đầu ra (những gì người học cần đạt được), với những tiêu chí, tiêu chuẩn cho việc đo lường và đánh giá kết quả đạt được một cách khách quan.

### Tài liệu tham khảo

1. Debbie Candau, Jennifer Doherty, Robert Hannafin, John Judge, Judi Yost, Paige Kuni, 2007, *Intel teach to the future (Chương trình dạy học cho tương lai của Intel)*, NXB Thanh niên.

2. Lê Đình Trung, Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển NL người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm.

3. ACER, CITO, EST, NIER (2005), *Student questionnaire for PISA 2006*, OECD

4. Alnoor, A.G.; Yuanxiang, Guo; Abudhuim, F.S (2007), "Assessment Mathematics Teacher's Competencies".